

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán kinh phí sự nghiệp KHCN năm 2011 chi qua Văn phòng Bộ

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/09/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-BNN-TC ngày 14/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy định việc sử dụng kinh phí phục vụ các hoạt động QLNN về KHCN thuộc nguồn kinh phí hoạt động KHCN do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-BNN-TC ngày 24/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2011 cho Văn phòng Bộ (đợt 1); Căn cứ Quyết định số 553/QĐ-BNN-TC ngày 05/05/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chuyển số dư dự toán kinh phí KHCN từ năm 2010 sang năm 201 của Văn phòng Bộ;

Xét đề nghị tại văn bản số 447/KHCN ngày 16/08/2011 của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc phê duyệt chi tiết kinh phí hoạt động QLNN lĩnh vực KHCN năm 2011;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi tiết các hoạt động QLNN về KHCN (dự toán giao Văn phòng Bộ) như sau:

- Nguồn kinh phí: Sự nghiệp KHCN (Loại 370-371) năm 2011, phần kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN, kinh phí không khoán chi.
- Nội dung: hoạt động QLNN về KHCN tại Văn phòng Bộ
- Tổng kinh phí: 1.693.000.000 đồng (*Một tỷ, sáu trăm chín mươi ba triệu đồng*), bao gồm:

Nội dung	Số tiền (1000 đồng)	Ghi chú
1. Công tác phí cho công tác kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ khoa học công nghệ, môi trường và chi khác:	446.960	Ủy quyền cho Văn phòng Bộ phối hợp với Vụ KHCN-MT phê duyệt dự toán chi tiết các nội dung và thực hiện
2. Hội nghị, Hội thảo, Họp về khoa học công nghệ	130.000	
3. Hội đồng khoa học công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét chọn, thẩm định, nghiệm thu đánh giá các đề tài, dự án	1.116.040	Chi tiết Phụ lục kèm theo

Điều 2. Căn cứ dự toán được phê duyệt, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức thực hiện các nội dung công việc theo quy định hiện hành.

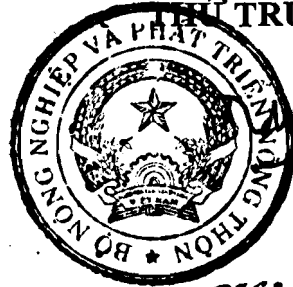
Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Điện Kính Trân

Phụ lục. Chi tiết dự toán, dự toán tổ chức các Hội đồng khoa học công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét duyệt, nghiệm thu đánh giá các đề tài, dự án
(Kèm theo Quy chế quản lý số 40/2011/QĐ-BNN/PTNT ngày 30/08/2011 của Bộ Nông nghiệp - PTNT)



Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Chi phí/cuộc	Số cuộc	Thành tiền	Ghi chú
I	Xây dựng đầu bài được duyệt	1.500	73	109.500	
	<i>Định mức theo Thông tư Liên tịch 44/2006/TTLT</i>				
II	Hội đồng KHCN tư vấn tuyển chọn đề tài năm 2011.			767.240	Tính theo số nhiệm vụ
1	Phiên mở hồ sơ			128.820	
	<i>Dự toán chung 1 buổi họp/1 hồ sơ: Hội đồng dự kiến 7 thành viên, 1 thư ký hành chính Chủ tịch: 300.000đ; 6 ủy viên: 6 x 200.000 = 1.200.000đ; 1 thư ký hành chính: 150.000 đ 5 khách mời x 70.000 = 350.000đ; Photocopy = 50.000đ; Nước uống 15.000đx14=210.000đ; Cộng = 2.260.000đ</i>				
2.1	Lĩnh vực Lâm nghiệp	2.260	3	6.780	
2.2	Lĩnh vực Trồng trọt - Bảo vệ thực vật	2.260	16	36.160	
2.3	Lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y	2.260	13	29.380	
2.4	Lĩnh vực Thủy lợi	2.260	3	6.780	
2.5	Lĩnh vực Thủy sản	2.260	7	15.820	
2.6	Lĩnh vực Cơ điện - CNSTH	2.260	3	6.780	
2.7	Lĩnh vực kinh tế chính sách	2.260	9	20.340	
2.8	Lĩnh vực khác (Quỹ gen, công nghệ thông tin, thiết bị ...)	2.260	3	6.780	
2	Phiên họp chính thức			638.420	Tính theo số hồ sơ
	<i>Dự toán chung 1 buổi họp/1 hồ sơ: Hội đồng dự kiến 7 thành viên, 1 thư ký hành chính Chủ tịch: 300.000đ; 6 ủy viên: 6 x 200.000 = 1.200.000đ; 1 thư ký hành chính: 150.000 đ 5 khách mời x 70.000 = 350.000đ; Photocopy = 50.000đ; Nước uống 15.000đx14=210.000đ; Nhận xét của Hội đồng: 900.000 + 5 x 300.000 = 2.400.000đ Cộng = 4.660.000đ</i>				
2.1	Lĩnh vực Lâm nghiệp	4.660	6	27.960	2 hồ sơ/nv
2.2	Lĩnh vực Trồng trọt - Bảo vệ thực vật	4.660	32	149.120	2 hồ sơ/nv
2.3	Lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y	4.660	26	121.160	2 hồ sơ/nv
2.4	Lĩnh vực Thủy lợi	4.660	6	27.960	2 hồ sơ/nv
2.5	Lĩnh vực Thủy sản	4.660	14	65.240	2 hồ sơ/nv
2.6	Lĩnh vực Cơ điện - CNSTH	4.660	6	27.960	2 hồ sơ/nv
2.7	Lĩnh vực kinh tế chính sách	4.660	27	125.820	3 hồ sơ/nv
2.8	Lĩnh vực khác (Quỹ gen, công nghệ thông tin, thiết bị ...)	4.660	20	93.200	

TT	Nội dung	Chi phí ước	Số cuộc	Thành tiền	Ghi chú
III	Hội đồng tư vấn xét chọn dự án sản xuất thử nghiệm	4.660	19	88.540	
IV	Thẩm định đề tài, dự án đã qua tuyển, xét chọn			131.400	
	<i>Thẩm định các đề tài đã qua tuyển chọn (Hội đồng thẩm định 6 thành viên) Họp 1 buổi/1 đề tài = 250.000đ + 5x200.000đ = 1.250.000đ Photocopy tài liệu: 50.000đ; Nước uống: 15.000x6= 90.000đ Cộng: 1.390.000đ</i>				
1	Lĩnh vực Lâm nghiệp	1.390	3	4.170	
2	Lĩnh vực Trồng trọt - Bảo vệ thực vật	1.790	16	28.640	8 T. viên
3	Lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y	1.390	13	18.070	
4	Lĩnh vực Thủy lợi	1.390	3	4.170	
5	Lĩnh vực Thủy sản	1.390	7	9.730	
6	Lĩnh vực Cơ điện - CNSTH	1.390	3	4.170	
7	Lĩnh vực kinh tế chính sách	1.390	9	12.510	
8	Dự án SXTN	1.390	19	26.410	
9	Lĩnh vực khác (Quỹ gen, công nghệ thông tin, thiết bị ...)	1.390	3	4.170	
V	Hội đồng KHCN nghiệm thu đề tài, dự án cấp Bộ			19.360	
	<i>(1 Hội đồng dự kiến 1 chủ tịch (400.000đ), 8 thành viên (2.400.000đ), 2 phản biện (2.000.000đ), 7 nhận xét của ủy viên (4.200.000đ), 5 đại biểu (350.000đ) họp nghiệm thu 1 buổi), nước uống: 110.000đ; thư ký hành chính: 150.000; photocopy: 70.000đ. Tổng cộng 9.680.000đ/ 1 hội đồng/ 1 đề tài</i>				
1	Lĩnh vực Cơ điện - CNSTH	9.680	1	9.680	
2	Lĩnh vực kinh tế chính sách	9.680	1	9.680	
	Tổng Cộng			1.116.040	

Một tỷ một trăm mười sáu triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng.

KS